

MỤC LỤC

LỜI CAM

ĐOAN.....i LỜI

CẢM ƠN ii

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT iii

viii DANH MỤC BẢNG BIỂU

..... ix DANH MỤC HÌNH VẼ,

ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ.....x PHẦN MỞ

ĐẦU.....1

1. TÍNH CẤP THIẾT ĐỀ

TÀI.....1 2. MỤC TIÊU NGHIÊN

CỨU.....3 2.1. Mục tiêu

chung.....3 2.2. Mục tiêu

cụ thể.....3 3. ĐỐI

TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT.....4 3.1.

Đối tượng nghiên cứu.....4 3.2.

Đối tượng khảo sát4 3.3.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát, kích thước mẫu.....4 4.

PHẠM VI GIỚI HẠN ĐỀ TÀI.....5

4.1. Phạm vi nội dung.....5

4.2. Phạm vi không gian.....5

4.3. Phạm vi thời gian5

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN

CỨU.....5 5.1. Phương pháp nghiên cứu

định tính.....5 5.2. Phương pháp nghiên cứu

định lượng.....5 5.3. Phương pháp thu thập

thông tin.....5 5.4. Phương pháp xử lý

thông tin.....5 6. TỔNG QUAN CÁC

NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....6 CHƯƠNG 1.CƠ SỞ

LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ..... 10 1.1. MỘT SỐ KHÁI

NIỆM..... 10 1.1.1. Khái niệm về

đô thị..... 10 1.1.2. Khái niệm về

quản lý nhà nước.....	11	1.1.3. Khái niệm về trật
tự đô thị.....	12	1.1.4. Khái niệm quản lý
nhà nước về trật tự đô thị.....	13	

iii

1.1.5. Khái niệm về sự hài lòng.....	
17	1.1.5.1. Khái niệm
.....	17
1.1.5.2. Mục	
đích đo lường sự hài lòng của người dân	18
1.1.5.3.	
Phân loại sự hài lòng của người dân.....	18
1.2. MỘT SỐ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ MÔ HÌNH KIẾN NGHỊ.....	
19	1.2.1. Một số mô hình nghiên
cứu.....	19
1.2.2. Mô hình kiến	
ngợi.....	21
1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ	
.....	
23	1.3.1. Xây dựng, ban hành văn bản quản lý nhà nước về trật tự đô thị.....
24	1.3.2. Tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về trật tự đô thị.....
25	1.3.3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về
trật tự đô thị.....	25
1.4. TÁC ĐỘNG LAN TỎA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ	
ĐÔ THỊ.....	26
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI	
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRẬT TỰ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN	
THÀNH PHỐ TRÀ VINH	
28	2.1. KHÁI QUÁT VỀ THÀNH PHỐ TRÀ VINH.....
28	2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....
28	2.1.2. Vị trí địa lý
28	2.1.3. Tăng trưởng kinh tế
28	2.1.4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
28	2.1.5. Giao Thông Đô Thị.....
28	2.1.6. Kiến trúc cảnh quan.....
31	2.2.
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ	

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH	32 2.2.1.
Cơ sở pháp lý	32 2.2.2.
Nội dung công tác quản lý trật tự đô thị.....	32 2.2.2.1.
Xây dựng, ban hành văn bản quản lý nhà nước về trật tự đô thị ...	33 2.2.2.2. Tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về trật tự đô thị.....
	35

iv

2.2.2.3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về trật tự đô thị.....	35
2.2.3. Lĩnh vực thực hiện.....	39
2.2.3.1. Trật tự giao thông đô thị.....	39
2.2.3.2. Trật tự xây dựng đô thị.....	43
2.2.3.3. Trật tự vỉa hè, lòng lề đường.....	45
2.2.3.4. Vệ sinh môi trường.....	49
2.2.4. Đội ngũ Cán bộ, công chức	50
2.2.4.1. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.....	50
2.2.4.2. Về tinh thần trách nhiệm.....	53
2.2.4.3. Về kỹ năng.....	54
2.2.5. Cơ sở vật chất	55
2.3. THIẾT KẾ THANG ĐO.....	55
2.3.1 Thang đo “Cơ sở pháp lý”	55
2.3.2. Thang đo “Nội dung thực hiện”	56
2.3.3. Thang đo “Lĩnh vực thực hiện”.....	56
2.3.4. Thang đo “Đội ngũ CBCC”.....	56
2.3.5. Thang đo “cơ sở vật chất”	57
2.4. MÔ TẢ PHIẾU KHẢO SÁT.....	57
2.5. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU.....	58
2.5.1. Nhân tố “Cơ sở pháp lý”.....	58
2.5.2. Nhân tố “Nội dung thực hiện”.....	59
2.5.3. Nhân tố “Lĩnh vực thực hiện”	59
2.5.4. Về “Đội ngũ CBCC”	61
2.5.5. Về nhân tố “Cơ sở vật chất”.....	62
2.5.6. Đánh giá chung	63
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP	

NÂNG CAO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH.....

64 3.1.

QUAN ĐIỂM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ.....

64 3.1.1.

Quản lý nhà nước về trật tự đô thị phải hướng đến phục vụ và đáp ứng

v

tốt nhất nhu cầu của người dân.....

64 3.1.2. Quản lý nhà nước về trật tự đô thị phải hướng đến khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý nhà

nước..... 65 3.1.3. Quản lý nhà nước về trật tự đô thị phải nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu

quả hoạt động của các cấp chính quyền địa phương, đồng thời phải đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa.....

66 3.1.4. Quản lý nhà nước trật tự đô thị phải gắn liền với phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương nhà nước ở địa phương, nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của chính quyền địa

phương..... 66 3.2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh

..... 67 3.2.1. Các giải pháp chung..... 67

3.2.1.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

67 3.2.1.2. Phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị.....

68 3.2.1.3. Kiện toàn tổ chức và nhân sự thực hiện công tác quản lý trật tự đô thị

..... 69

3.2.1.4. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức chấp hành các quy định về trật tự đô thị.....

3.2.2. Các giải pháp cụ thể.....	
72 3.2.2.1. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, đặc biệt là phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, nhà nước về trật tự đô thị.....	72
3.2.2.2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch đô thị, gắn với công tác quản lý đảm bảo phát triển đúng hướng, bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.....	72
3.2.2.3. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; củng cố quốc phòng – an ninh; xây dựng diện mạo đô thị ngày càng văn minh, hiện đại...	
.....	73

vi

3.2.2.4. Nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân	
74 3.2.2.5. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Mô hình tự quản về trật tự đô thị và vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh	75
3.2.2.6. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh.....	76
3.2.2.7. Nâng cao hiệu quả công tác tuần tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự đô thị	77

PHẦN KẾT LUẬN	
79 DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
.....	80 PHỤ
LỤC.....	1

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CBCC: Cán bộ công chức

CV: Chuyên viên

CVC: Chuyên viên chính

CSPL: Cơ sở pháp lý

CSVC: Cơ sở vật chất

LVTH: Lĩnh vực thực hiện

NDTH: Nội dung thực hiện

UBND: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Ký hiệu bảng Tên bảng Trang	Bảng 2.1. Các biến quan sát thuộc nhân tố Cơ sở pháp lý.....	55
	Bảng 2.2. Các biến quan sát thuộc nhân tố Nội dung thực hiện	56
	Bảng 2.3. Các biến quan sát thuộc nhân tố Lĩnh vực thực hiện.....	56
	Bảng 2.4. Các biến quan sát thuộc nhân tố Đội ngũ CBCC	57
	Bảng 2.5. Các biến quan sát thuộc nhân tố Cơ sở vật chất	57
	Bảng 2.6. Bảng tổng hợp số liệu nhân tố Cơ sở pháp lý.....	58
	Bảng 2.7. Bảng tổng hợp số liệu nhân tố Nội dung thực hiện	59
	Bảng 2.8. Bảng tổng hợp số liệu nhân tố Lĩnh vực thực hiện.....	60
	Bảng 2.9. Bảng tổng hợp số liệu nhân tố Đội ngũ CBCC	61
	Bảng 2.10. Bảng tổng hợp số liệu nhân tố Cơ sở vật chất.....	62

DANH MỤC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

Ký hiệu hình Tên hình Trang	Hình 1.1. Mô hình nghiên cứu mức độ hài lòng của người nộp thuế.....	19
	Hình 1.2. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa của Jetstar Pacific Airlines.....	20
	Hình 1.3. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công vụ của công chức.....	21
	Hình 1.4. Mô hình nghiên cứu đề nghị.....	23
	Hình 2.1. Biểu đồ thống kê số lượng trường hợp vi phạm về trật tự đô thị giai đoạn 2014 – 2018.....	36
	Hình 2.2. Biểu đồ thống kê số lượng trường hợp vi phạm trên các lĩnh vực qua từng năm 2014 – 2018.....	38
	Hình 2.3. Biểu đồ thống kê số lượng trường hợp vi phạm trên lĩnh vực trật tự giao thông đô thị giai đoạn 2014 – 2018	42
	Hình 2.4. Biểu đồ thống kê số lượng trường hợp vi phạm trên lĩnh vực trật tự xây dựng đô thị giai đoạn 2014 – 2018	44
	Hình 2.5. Biểu đồ thống kê số lượng trường hợp vi phạm trên lĩnh vực trật tự vỉa hè, lòng lề đường giai đoạn 2014 – 2018	48
	Hình 2.6. Biểu đồ thống kê trình độ chuyên môn đội ngũ CBCC năm 2018....	51
	Hình 2.7. Biểu đồ thống kê trình độ lý luận chính trị đội ngũ CBCC năm 2018	51
	Hình 2.8. Biểu đồ thống kê trình quản lý nhà nước đội ngũ CBCC năm 2018	52
	Hình 2.9. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá nhân tố Cơ sở pháp lý	58
	Hình 2.10. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá nhân tố Nội dung thực hiện	59
	Hình 2.11. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá nhân tố Lĩnh vực thực hiện	

..... 60 Hình 2.12. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá nhân tố Đội ngũ CBCC.. 61 Hình 2.13. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá nhân tố Cơ sở vật chất ... 62 Hình 2.14. Biểu đồ tỷ lệ phần trăm kết quả đánh giá chung về trật tự đô thị.... 63

X PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, khi nguồn ngân sách hạn hẹp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là công tác quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật; sự phát triển thiếu đồng bộ, sẽ kiềm hãm quá trình phát triển kinh tế và gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong sản xuất kinh doanh. Để tình hình phát triển kinh tế, xã hội phát triển một cách đồng bộ, đúng hướng thì công tác quản lý về trật tự đô thị là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Trong sự nghiệp phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, các đô thị đóng vai trò như những hạt nhân quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, hầu hết các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội diễn ra chủ yếu ở các đô thị. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa nhanh, trong một thời gian ngắn đã làm phát sinh nhiều bất cập liên quan đến lĩnh vực trật tự đô thị, đó là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Tính đến tháng 12/2017, cả nước hiện có 813 đô thị, với tỷ lệ đô thị hóa đạt 37,5%. Trong đó gồm có: 02 đô thị đặc biệt (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); 19 đô thị loại I; 23 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 84 đô thị loại IV và 640 đô thị loại V [13, tr. 9]. Nhìn chung, hầu hết các đô thị đều có những tồn tại, hạn chế, bất cập trong công tác quản lý trật tự đô thị. Có thể nói, đô thị không chỉ là hạ tầng cơ bản của nền kinh tế mà còn là tâm điểm của sự tăng trưởng kinh tế, là bộ mặt quốc gia và động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước đòi hỏi đô thị phát triển một cách có kiểm soát, theo quy hoạch và đảm bảo đúng đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu phát triển đô thị là “Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 – 40%” [16, tr. 81]; “Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ

liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng”; “Nâng cao chất lượng, tính đồng bộ và năng lực cạnh tranh của các đô thị; chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng...” [16, tr. 96].

Thành phố Trà Vinh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Trà Vinh, diện tích đất tự nhiên 6.816,2 ha, gồm có 09 phường và 01 xã, với 107.951 nhân khẩu, phía Bắc giáp

1

sông Cổ Chiên và tỉnh Bến Tre, phía Đông và Nam giáp huyện Châu Thành, phía Tây giáp huyện Càng Long; thành phố Trà Vinh là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh Trà Vinh, với hơn 6.921 hộ sản xuất kinh doanh cá thể và 524 doanh nghiệp [35, tr. 14]. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, tốc độ phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh, nhiều dự án công trình, các tổ chức tín dụng mọc lên sầm uất, làm thay đổi diện mạo đô thị ngày càng khang trang và góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển ngày càng bền vững. Tuy nhiên, công tác trật tự đô thị diễn ra phức tạp, từ đó bộ mặt đô thị còn nhếch nhác; tình hình mua bán, kinh doanh lộn xộn, chen chúc; đặc biệt có những điểm nóng còn xảy ra tranh cãi, bất hòa giữa chính quyền và người dân, gây dư luận không tốt trong xã hội và nhân dân.

Chỉ thị số 15/CT-TU ngày 28/12/2016 của Ban thường vụ tỉnh ủy Trà Vinh đã nhận định tình hình trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có nhiều bất cập cụ thể như: “Công tác quản lý trật tự xây dựng chưa có sự kết hợp hài hòa giữa xây dựng và chỉnh trang, tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, quảng cáo, rao vặt, lấp đặt cáp viễn thông, cáp điện, tự ý nhóm chợ không đúng quy định còn diễn ra ở một số nơi; xây dựng không phép, trái phép, xả rác thải và nước thải không đúng quy định còn phổ biến; ý thức chấp hành pháp luật về trật tự đô thị của một bộ phận người dân chưa cao; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự đô thị chưa nghiêm, thiếu kịp thời” [27, tr. 1].

Trên địa bàn thành phố Trà Vinh tình trạng vi phạm các quy định về trật tự đô thị ngày càng nhiều và đây chính là mặt trái của quá trình đô thị hóa. Cụ thể từ năm 2014 đến năm 2018, địa bàn thành phố Trà Vinh có 46.865 trường hợp vi phạm. Tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm hành chính là 30.838 trường hợp, với tổng số tiền là 26,054 tỷ đồng. Trong đó, vi phạm nhiều nhất nhất là trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông với 30.204 trường hợp; trật tự vỉa hè, lòng lề đường 8.286 trường hợp; vệ sinh môi trường 6.380 trường hợp và trật tự xây dựng đô thị là 1.361 trường hợp [28-32].

Vấn đề trên cho thấy tình hình vi phạm về trật tự đô thị đang diễn biến ngày càng phức tạp, sẽ tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và gây ra nhiều hệ lụy đối với sự phát triển bền vững của đô thị.

Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy - UBND tỉnh Trà Vinh, Thành ủy - UBND thành phố Trà Vinh, qua công tác vận động, tuyên truyền, thuyết phục tình

2

hình vi phạm về trật tự đô thị đã có sự chuyển biến tích cực, có 16.027/46.865 trường hợp tổ chức, người dân tự nguyện khắc phục, chiếm tỷ lệ 34,20% [28-32]. Kết quả cho thấy, ý thức của người dân ngày càng được nâng lên, tin tưởng vào công tác quản lý trên lĩnh vực trật tự đô thị của chính quyền thành phố Trà Vinh, góp phần cùng nhà nước xây dựng bộ mặt đô thị ngày càng thông thoáng, xanh - sạch - đẹp - văn minh. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một vài trường hợp người dân nhận thức còn hạn chế, sự hài lòng của một số người dân về công tác chỉnh trang trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh chưa cao dẫn đến một vài trường hợp không chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác này.

Từ những lý do trên, nhằm để công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh đi vào nề nếp, kịp thời đáp ứng yêu cầu, mong muốn của người dân và nâng cao mức độ hài lòng của người dân liên quan đến công tác này. Tác giả quyết định chọn đề tài **“Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh”** làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở khảo sát công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh. Đề tài tập trung làm rõ các vấn đề về mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh. Từ đó, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân liên quan đến công tác này.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Gồm có ba mục tiêu:

Mục tiêu 1: Nghiên cứu hệ thống cơ sở lý luận về quản lý trật tự đô thị và mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị.

Mục tiêu 2: Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý trật tự đô thị và mức độ hài lòng của người dân liên quan đến công tác này trên địa bàn thành phố Trà Vinh. Đồng thời, phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan làm ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị.

Mục tiêu 3: Đề xuất các giải pháp, phương hướng nâng cao chất lượng quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng

3

chính đáng của người dân và thu hút, mời gọi đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Từ đó, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu mức độ hài lòng của người dân đến công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

3.2. Đối tượng khảo sát

Gồm có các cơ quan, đơn vị, cá nhân sau:

- 395 hộ dân trên địa bàn thành phố Trà Vinh.
- Cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Lãnh đạo và chuyên viên các sở, ngành tỉnh Trà Vinh).
- Cơ quan quản lý hành chính cấp thành phố (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, Một số Trưởng các phòng, ban chuyên môn trực thuộc thành phố Trà Vinh, Đội trưởng Đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố Trà Vinh).
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã.

3.3. Phương pháp chọn mẫu khảo sát, kích thước mẫu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để khảo sát, lấy ý kiến người dân. Dựa vào danh sách tổng số hộ dân trên địa bàn thành phố Trà Vinh đã được sắp xếp theo quy ước thứ tự vần ABC. Từ đó, xác định một đơn vị trong danh sách để khảo sát và cứ cách đều một khoảng cách nhất định (k) sẽ thực hiện lấy một phiếu khảo sát.

$$k = 29.000/1.000 = 29$$

Trên cơ sở đề tài nghiên cứu, tác giả áp dụng công thức xác định kích thước mẫu (n) dựa vào số liệu tổng số hộ dân trên địa bàn thành phố Trà Vinh (N = 29.000)

với một sai số tiêu chuẩn được Chi cục thống kê thành phố Trà Vinh xác nhận ($e = 5\%$). Cụ thể áp dụng công thức sau để xác định kích thước mẫu:

$$N = 29.000$$

$$n = \frac{1 + N(e)^2}{1 + 29.000(0,05)^2} = 394,56 \text{ (tương đương } n = 395)$$

Như vậy, cứ cách đều 29 hộ dân trong danh sách đã thống kê ta thực hiện lấy một phiếu khảo sát, với kích cỡ mẫu là 395.

4

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật

[1] Luật Bảo vệ Môi trường (Luật số 55/2014/QH13) ngày 23/6/2014. [2] Luật Quy hoạch đô thị (Luật số 49/VBHN-VPQH) ngày 10/12/2018. [3] Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 15/2012/QH13) ngày 20/6/2012. [4] Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ Môi trường.

[5] Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

[6] Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. [7] Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[8] Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[9] Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

[10] Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo. **Tài liệu tiếng việt**

[11] Chủ Thị Kim Anh (2014), *Quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn Quận Hoàng Mai*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. [12] Lê Trọng Bình (2009), *Pháp luật và Quản lý đô thị*, Bài giảng môn học, Trường Đại học kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.

[13] Bộ Xây dựng (2017), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018*, Hà Nội.

80

[14] Nguyễn Ngọc Châu (2001), *Quản lý đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

[15] Võ Kim Cương (2004), *Quản lý đô thị trong thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

[16] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[17] Nguyễn Hữu Hoàng (2017), *Quản lý nhà nước về trật tự đô thị thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội. [18] Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Quản lý đô thị*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[19] Nguyễn Di Khang (2017), *Quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị tại địa bàn Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

[20] Nguyễn Thanh Long (2017), *Quản lý nhà nước về trật tự xây dựng tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.

[21] Trịnh Văn Quang (2016), *Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự đô thị từ thực tiễn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

[22] Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 và một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2015*, thành phố Trà Vinh.

[23] Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và kế hoạch thực hiện năm 2016*, thành phố Trà Vinh. [24] Phòng

Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh (2016), *Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2016*, thành phố Trà Vinh.

[25] Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh (2017), *Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, thành phố Trà Vinh.

[26] Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018*, thành phố Trà Vinh.

[27] Tỉnh ủy Trà Vinh (2016), *Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, Trà Vinh.

[28] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 và kế hoạch năm 2015*, thành phố Trà Vinh.

[29] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và kế hoạch năm 2016*, thành phố Trà Vinh.

[30] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2016), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và kế hoạch năm 2017*, thành phố Trà Vinh.

[31] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2017), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và kế hoạch năm 2018*, thành phố Trà Vinh.

[32] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch năm 2019*, thành phố Trà Vinh.

[33] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2018), *Danh sách thống kê số lượng, chất lượng Cán bộ, công chức*, thành phố Trà Vinh.

[34] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2015), *Đề án công nhận thành phố Trà Vinh là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Trà Vinh*, thành phố Trà Vinh. [35] Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh (2018), *Điều chỉnh Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, thành phố Trà Vinh.

- [36] Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2018), *Quyết định ban hành quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, Trà Vinh.